GIÁY ĐỂ NGHỊ VAY VỐN KIỆM PHƯƠNG ÁN SẨN XUẤT/ KINH DOANH/ DỊCH VỤ/ PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG, HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG, HỢP ĐỒNG CẨM CỐ SỐ DƯ TÀI KHOẢN

(dùng cho ACB Online – áp dung đối với KHCN và KHDN) só:

| BÊN CHO V | 'AY: NGÂ | AN HÀNG TMCP Á CH | ÂU | | (sau đây | gọi là ACB) | |
|---|---------------------------------------|--|---|--|-----------------------------|--|--|
| Tài khoản số | | | | | | | |
| Địa chỉ | | | | | | | |
| Đại diện Điện thoai | | | - Chức vụ: - Fax: | | | | |
| | | ••••• | | - гах | ••••• | •••••• | |
| BÊN VAY : | E/C) O ID | | | | | •••••• | |
| | | số:dotrú: | | | | | |
| Nơi cư trú hiệ | | | | | | | |
| Điện thoại | | | | | | | |
| Đại diện | | | | | | | |
| GUQ số | اسكمام مما | :uật (GĐ/TGĐ hoặc Chủ t | | | | | |
| | | | | | en theo phap luật kha | ic). | |
| Mục đích sử | dụng vôn: | Č | Sản xuất kinh | | | | |
| Kết quả sử dụ | ıng vốn: | Cải thiện cuộc sống | Tăng trưởng s | ån xuất kinh doanh. | | | |
| theo các điều ĐIỀU 1: 1.1. Số tiể Onlin | số TI số tri n vay, thờ e. | nợp đồng tín dụng kiêm h : ÈN - THỜI HẠN - LÃI S vi hạn vay, lãi suất trong loại tiền cho vay khác với | SUẤT – PHẠT - MỤ hạn được ACB và l | JC ĐÍCH khách hàng thoả thuận t | ại thông điệp dữ liệt | ı lưu trên hệ thống ACB | |
| | | rỷ lệ cảnh báo, tỷ lệ xử lý | | | n oao dam/gia u i ngn | ia vụ duọc bao daili tili ty | |
| | STT | Loại tài sản bảo | | Tỷ lệ cảnh báo | | Tỷ lệ xử lý | |
| | | · | | · · | | , , , , , , , , , , , , , , , , , , , | |
| | | | | | | | |
| Tr - | rong đó: + <i>Tỷ lệ r</i> ra VN | cho vay là tỷ lệ giữa dư no D. | y cho vay được quy o | đổi ra VND trên giá trị tầ | ài sản bảo đảm do AC | $\mathbb{C}\mathbf{B}$ xác định được quy đổi | |
| | | Γỷ lệ cho vay = | Dư nợ cho vay được quy đổi ra VND | | y 100 | x 100% | |
| | 1 | y iç cilo vay – | Giá trị tài sản ACB xác định được quy đổi ra VND | | | | |
| | + Tỷ lệ | tỷ lệ cho vay cụ thể sẽ do <i>cảnh báo</i> là mức tỷ lệ mà ACB có quyền yêu cầu v | ACB thông báo tron khi giá vàng/ngoại tế | ng từng thời kỳ. Pộ biến động làm cho tỷ lệ | cho vay tăng lên lớn | ı hơn hoặc bằng mức tỷ lệ viện pháp được thỏa thuận | |

- tai Điều 4 của Hợp đồng này.
- Tỷ lệ xử lý là mức tỷ lệ mà khi giá vàng/ngoại tệ biến động làm cho tỷ lệ cho vay tăng lên lớn hơn hoặc bằng mức tỷ lệ đó thì ACB có quyền yêu cầu và Bên vay có trách nhiệm thực hiện các biện pháp được thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng

ACB được quyền đơn phương xác định, thay đổi lý lệ cho vay, tỷ lệ cảnh báo, tỷ lệ xử lý nêu trên và thông báo cho Bên vay các tỷ lệ này. Trường hợp các bên chưa thoá thuận cụ thể các tỷ lệ nêu trên thì các tỷ lệ này do ACB quyết định.

- Lãi suất trong hạn sẽ được điều chính trong toàn bộ thời gian vay thực tế của Bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay (nếu Bên vay không trả nọ đúng han).
 - Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định tại Hợp đồng này, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ACB quy đinh trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều

Bên vay mặc nhiên chấp nhận (các) mức lãi suất vay được điều chỉnh theo quy định của Hợp đồng này trong mọi trường hợp.

- Quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn
 - Trường hợp Bên vay không trả nơ đúng hạn, lãi suất nơ quá hạn được tính theo quy định tại hợp đồng này, trong đó, lãi suất trong hạn là lãi suất trong hạn đã được điều chính theo quy định của Hợp đồng này tại thời điểm tính lãi suất nơ quá hạn.
- Mục đích/cách thức sử dụng vốn: Bên vay cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích nêu trên, không sử dụng tiền vay để kinh doanh chứng khoán dưới bất kỳ hình thức nào cũng như các mục đích khác trái pháp luật.
- Giải ngân: toàn bộ số tiền vay (**nọ gốc**) được giải ngân một lần bằng phương thức chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản được 1.2 thoả thuận tại thông điệp dữ liệu lưu trên hệ thống ACB Online.
 - Ngày ACB thực hiện việc chuyển số tiền vay vào tài khoản được coi là ngày Bên vay nhận tiền vay. Bên vay có trách nhiệm nhận nợ số nợ gốc mà ACB đã giải ngân.
- 1.3. Trường hợp **Bên vay** có nhiều người, thì một, một số hoặc tất cả những người này đều có thể nhận tiền vay.

TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI ĐIỀU 2:

OF-A4-2/PC-07.11 1/4

- 2.1. Nợ gốc được trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Bên vay có thể trả nợ gốc nhiều lần trong thời hạn vay hoặc trả nợ trước hạn.
- 2.2. Tiền lãi được trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Bên vay có thể trả lãi nhiều lần trong thời hạn vay. Tiền lãi được tính theo công thức như sau:

| Số tiền lãi phải trả = | Dư nợ tính lãi x Lãi suất vay (%/năm) x số ngày vay thực tế | |
|---|---|--------------------------|
| | 360 | (1) |
| Nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn | ngày thì áp dụng lãi suất vay (ngày), số tiền lãi phải trả được | tính theo công thức sau: |
| Số tiền lãi phải trả = | Dư nợ tính lãi x Lãi suất vay (ngày) x số ngày vay thực tế | |
| 2 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 | 360 | |

- 2.3. Bên vay được cấp tín dụng bằng loại tiền nào thì trả nợ (gốc và lãi) bằng loại tiền đó. Bên vay chỉ được trả nợ bằng loại tiền khác với loại tiền cấp tín dụng sau khi được ACB chấp thuận, tỷ giá quy đổi từ loại tiền trả nợ về loại tiền cấp tín dụng trong trường hợp này do ACB quyết định.
- 2.4. Trường hợp muốn gia hạn nợ gốc hoặc lãi, **Bên vay** phải gửi đề nghị gia hạn nợ gốc hoặc lãi cho ACB trước ngày đến hạn.
- 2.5. Trường hợp ngày phải trả nợ (gốc và lãi) rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà ACB không làm việc, thì ngày làm việc tiếp theo sẽ là ngày đến hạn trả nợ và lãi được tính cho tới ngày thực trả.
- 2.6. ACB có quyền không giải ngân hoặc không tiếp tục giải ngân (trong trường hợp đã giải ngân một phần) khoản vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản nợ vay chưa thanh toán của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - Biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cho vay của ACB;
 - Nhu cầu, tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính của Bên vay, theo nhận định của ACB, thay đổi đáng kể so với nhu cầu,
 tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính của Bên vay tại thời điểm Bên vay được ACB cấp tín dụng;
 - Bên vay không đồng ý với mức lãi suất của ACB hoặc các bên không thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân;
 - **Bên vay** (nếu có) vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước, của **ACB**;
 - Bên vay có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của ACB là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Bên vay;
 - Bên vay vi phạm hợp đồng cấp tín dụng (bao gồm hợp đồng tín dụng, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, hợp đồng cấp tín dụng bằng hình thức bảo lãnh, hợp đồng cấp tín dụng bằng hình thức khác), Hợp đồng bảo đảm (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh) hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với ACB;
 - **Bên vay** cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp tín dụng;
 - **Bên vay** (nếu có) là cá nhân chết mà không có người thừa kế được **ACB** chấp thuận;
 - Bên vay có một hoặc một số khoản vay chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
 - Khi giá vàng/ngoại tệ biến động làm cho tỷ lệ cho vay tăng lên lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo mà Bên vay không thực hiện bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc trả bớt nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này;
 - ACB không có trách nhiệm phải thông báo thời điểm tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo cho Bên vay.
 - Khi giá vàng/ngoại tệ biến động làm cho tỷ lệ cho vay tăng lên lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ xử lý;
 - ACB không có trách nhiệm phải thông báo thời điểm tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ xử lý cho Bên vay.
 - Tài sản bảo đảm bị giảm giá trị do ACB xác định;
 - Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của ACB;
 - Bên vay là cá nhân bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - Bên vay là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...;
 - Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Bên vay là tổ chức bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi tối thiểu của Bên vay tại
 - Biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của ACB, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên vay;
 - Việc duy trì khoản vay, theo nhận định của ACB, dẫn đến ACB vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;
 - Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nơ của Bên vay.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng này.

Khi **ACB** thông báo thu hồi nợ trước hạn, **ACB** chuyển toàn bộ số dư nợ của **Bên vay** sang nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay, các chi phí có liên quan.

2.7. Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc. Riêng trường hợp xử lý tài sản bảo đảm, việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí/các khoản phải trả khác.

ĐIỀU 3: CHUYỂN NỘ QUÁ HẠN VÀ TÍNH LÃI QUÁ HẠN

- 3.1. Khi kết thúc thời hạn cho vay, nếu **Bên vay** không trả hết số nợ gốc phải trả đúng hạn và không được **ACB** gia hạn nợ gốc thì toàn bộ **số dư nợ gốc thực tế còn lại của khoản vay** bị chuyển sạng nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn.
- 3.2. Khi kết thúc thời hạn cho vay, nếu **Bên vay** không trả hết tiền lãi phải trả đúng hạn thì phải chịu phạt chậm trả lãi vay tính trên số lãi vay chậm trả và số ngày chậm trả với **lãi suất phạt theo công thức sau:**

Số tiền phạt =

Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt (150% lãi suất vay trong hạn) x số ngày chậm trả

360

Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi vay cho đến ngày khoản vay được tính lãi suất nợ quá hạn hoặc đến ngày **Bên vay** trả hết phần lãi vay vị phạm.

3.3. Trong trường hợp **ACB** thu hồi trước hạn các khoản nợ vay chưa thanh toán của **Bên vay**, toàn bộ số dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chiu mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

OF-A4-2/PC-07.11 2/4

3.4. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ACB có quyền thực hiện các biện pháp theo hợp đồng và theo luật định để thu hồi nợ (bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác).

ĐIỀU 4: BIÊN PHÁP BẢO ĐẨM

- 4.1. Tài sản bảo đảm: Bên vay đồng ý cầm cố số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ACB của Bên vay cho ACB để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gồm gốc, lãi, phí (nếu có) của Bên vay với ACB, chi tiết về tài khoản được thể hiện tại thông điệp dữ liệu lưu trên hệ thống ACB Online
 - Lãi và các quyền phát sinh từ tài sản nêu trên cũng thuộc tài sản bảo đảm.
- 4.2. Các bên thỏa thuận tỷ lệ cho vay tại bất kỳ thời điểm nào phải nhỏ hơn tỷ lệ cảnh báo. Nếu giá vàng/ngoại tệ biến động làm cho tỷ lệ cho vay tăng lên lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo và/hoặc tỷ lệ xử lý thì các bên giải quyết như sau:
 - Trường hợp tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo (nhưng nhỏ hơn tỷ lệ xử lý) thì ACB có quyền yêu cầu và Bên vay có trách nhiệm thực hiện một, một số hoặc tất cả biện pháp sau theo thông báo của ACB:
 - + Bổ sung tài sản bảo đảm khác được ACB chấp thuận để tỷ lệ cho vay giảm xuống thấp hơn tỷ lệ cảnh báo; và/hoặc
 - + Trả bớt nợ cho đến khi tỷ lệ cho vay giảm xuống thấp hơn tỷ lệ cảnh báo.
 - Trường hợp tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ xử lý hoặc quá 5 ngày làm việc mà Bên vay không thực hiện việc bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc trả bớt nợ theo thông báo của ACB thì ACB có quyền yêu cầu và Bên vay có trách nhiệm trả nợ trước hạn và/hoặc ACB thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Việc áp dụng tỷ giá ngoại tệ/giá mua bán vàng quy đổi để xác định tỷ lệ cho vay do ACB quyết định.

4.3. Trường hợp nhiễu nghĩa vụ trả nợ của Bên vay được bảo đảm bằng nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nếu có một nghĩa vụ đến hạn mà Bên vay không thực hiện thì các nghĩa vụ khác chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và ACB có quyền thu hồi nợ. Khi đó, ACB được quyền xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào để thu hồi nợ cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Thứ tự xử lý tài sản bảo đảm, thứ tự thu hồi nợ do ACB quyết định.

ĐIỀU 5: XỬ LÝ TÀI SẢN CẨM CỐ (TSCC)

- 5.1. ACB có toàn quyền chủ động trích tiền từ sổ tiết kiệm/số dư trên tài khoản/ngoại tệ mặt/vàng được cầm cố mà không cần có sự chấp thuận của Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm để thu hồi nợ khi:
 - Khi đến hạn mà Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, bao gồm cả trường hợp ACB thu hồi nợ trước hạn;
 - Khi tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo mà Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc trả bớt nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này hoặc tỷ lệ cho vay lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ xử lý.
- 5.2. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ để trả nơ, Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ACB.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: TRAO ĐỔI THÔNG TIN

- 7.1. Bên vay cam kết nơi cư trú nêu tại văn bản này, tại các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm là nơi cư trú hợp pháp hiện nay của Bên vay. Đây là địa chỉ ACB gửi tất cả các văn bản, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện hợp đồng này và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ của mình với ACB. Bên vay phải thông báo cho ACB, cơ quan địa phương về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú hoặc nơi cư trú mới.
- 7.2. Việc gửi văn bản, tài liệu giao dịch được thực hiện thông qua: điện tín, điện báo, fax, thư điện tử, bưu điện hoặc gửi trực tiếp tới bất kỳ nhân viên/người thân trong gia đình của **Bên vay.**
- 7.3. Mọi văn bản, tài liệu giao dịch được coi là đã nhận sau khi được gửi đi bằng điện tín, điện báo, fax, hoặc sau khi bưu điện hoàn thành việc gửi thư.
- 7.4. ACB có quyền gửi thông tin cho Bên vay hoặc người điều hành của Bên vay(trường hợp Bên vay là tổ chức) thông qua nhắn tin, gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định.

ĐIỀU 8: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- 8.1 Bên vay cam kết và chịu trách nhiệm về việc cung cấp đầy đủ thông tin về các khoản cấp tín dụng của người có liên quan của Bên vay tại ACB;
- 8.2 Các bên có thể thỏa thuận về việc quản lý tài sản bảo đảm bằng một phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu khác.
- 8.3 Trường hợp **Bên vay** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngoài các biện pháp xử lý để thu hồi nợ theo qui định hoặc theo hợp đồng thì **ACB** có quyền thông báo công khai, cung cấp thông tin cho bên thứ ba, kể cả các phương tiện thông tin đại chúng, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến **Bên vay** (theo nhận định của **ACB**) về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của **Bên vay**.
- 8.4 Tự động trích hoặc phong tỏa tài khoản tiền gửi của **Bên vay** tại **ACB**, hoặc nhờ thu không cần chấp nhận, yêu cầu phong tỏa (*nếu Bên vay có tài khoản ở tổ chức tín dụng khác*) trong trường hợp đến hạn trả nợ mà **Bên vay** không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ vay (mà không có sự thỏa thuận, chấp nhận nào khác của **ACB**).
 - Trường hợp dư nợ của **Bên vay** là một loại tiền, số tiền được trích là loại tiền khác, tỷ giá quy đổi trong trường này do **ACB** quyết đinh.
 - Các phụ lục hợp đồng, các văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này và ràng buộc trách nhiệm đối với các bên.
- 8.5 Những điều khoản không qui định trong hợp đồng này sẽ được áp dụng theo qui định pháp luật và quy định của ACB.
- 8.6 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có tranh chấp, các bên sẽ thỏa thuận, thương lượng. Trường hợp không thể giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân nơi **ACB** có trụ sở chính hoặc Tòa án nhân dân do **ACB** lựa chọn giải quyết.

Trường hợp **Bên vay** vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú mới theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới, **Bên vay** được xem là dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại văn bản này, tại các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm là nơi cư trú cuối cùng của **Bên vay. ACB** được quyền yêu cầu Tòa Án xét xử vắng mặt, **Bên vay** chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của **Bên vay**

OF-A4-2/PC-07.11 3/4

Trường hợp Tòa án buộc **Bên vay** phải trả nợ, **Bên vay** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh của **ACB** trong quá trình khởi kiện bao gồm: chi phí đi lại, lương nhân viên, phí luật sư (trường hợp thuê luật sư).

- 8.7 Ngôn ngữ:
 - Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp đồng này và các văn bản, tài liệu liên quan là tiếng Việt.
 - Trong trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.
- 8.8 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi **Bên vay** đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với ACB.

Khi Họp đồng này hết hiệu lực thì họp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau:

- **Bên vay** giữ 01 (một) bản.
- ACB giữ 02 (hai) bản.

Các bên đã đọc, nghiên cứu kỹ, hiểu rõ và chấp nhân các quyền, nghĩa vụ của mình có liên quan đến hợp đồng này.

BÊN VAY

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU SỞ GIAO DỊCH/CHI NHÁNH.....

PHÒNG/BỘ PHẬN TÍN DỤNG

QF-A4-2/PC-07.11 4/4